

Bản án số: **34/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/9/2020

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

2. Ông **Vũ Mạnh Huê**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lan Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 484/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Mai A** – Sinh năm: 1991; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 43 B Th X, phường Ng D, quận H B Tr, Hà Nội.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến H** – Sinh năm: 1987; Hộ khẩu thường trú: Số 11 Ng 103 Tr Đ (nay là số 34 đường H M), phường Tr Đ, quận H B Tr, Hà Nội; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đ 22, ph tr số 2, Tr gi số 3, cục C, Bộ Công an.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 15/7/2020 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phạm Thị Mai A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2011 tại UBND phường Tr Đ, quận H B Tr, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Quá trình chung sống đến tháng 9 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ thời điểm đó. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do anh H không chịu làm ăn, chơi bời theo bạn xấu, không quan tâm đến gia đình. Tháng 01 năm 2018, anh H bị bắt do phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đã bị kết án 12

năm tù. Hiện anh H đang chấp hành án tại Trại giam số 3, huyện Tân Kỳ, Nghệ An. Để đảm bảo tương lai và cuộc sống của hai con, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Yên Nhi, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Tùng Anh, sinh ngày 18/8/2017. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con. Hiện chị đang làm nghề tự do thu nhập khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng/tháng. Hiện ba mẹ con chị đang sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại số 43 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: chị và anh H không nợ chung ai và không ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2020 tại Trại giam số 3, bị đơn – anh Nguyễn Tiến H trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Mai A lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2011 tại UBND phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, ổn định được một thời gian, đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ham chơi, theo bạn bè sa đà vào con đường phạm tội và bị kết án, hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam số 3, Cục C10 Bộ Công an. Từ thời điểm anh sa đà vào con đường phạm tội, vợ chồng anh sống ly thân với nhau, chị Mai A cũng không còn quan tâm, thăm hỏi gì đến anh. Nay chị Mai A có yêu cầu xin ly hôn, anh không mong muốn ly hôn nhưng thời gian chấp hành án của anh còn dài, vợ chồng lâu nay không hỏi thăm gì đến nhau, tình cảm cũng bị rạn nứt, tình cảm không còn, anh xét thấy vợ chồng không quay về chung sống với nhau được, nếu chị Mai A kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Mai A có 02 con chung tên là Nguyễn Yên Nh, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/8/2017. Hiện anh đang chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi con, chị Mai A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung thì anh đồng ý. Chị Mai A không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng thống nhất vì hiện anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh xác định vợ chồng không vay nợ ai và không ai vay nợ của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình theo đơn xin ly hôn của chị Mai A và các tài liệu, chứng cứ kèm theo nộp cho Tòa án, anh không có ý kiến gì.

Vì điều kiện hiện nay đang chấp hành án nên anh đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án này.

Về địa chỉ cư trú: Anh H trình bày anh có hộ khẩu thường trú tại số 103 Trương Định (nay là số 34 Hoàng Mai), phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trước khi bị bắt do phạm tội, anh H tạm trú tại địa chỉ: số 4 ngõ 325/135/1 K Ng, phường Th L, quận H B Tr, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa:

- Chị Mai A vẫn kiên quyết giữ nguyên vọng xin ly hôn vì anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, theo bạn xấu rủ rê nên hư hỏng dẫn đến việc đi tù, không thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, người cha. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chị vẫn giữ nguyên vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh H đang chấp hành án tại Trại giam số 3 nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai A. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị Mai A được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên, anh H không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị Mai A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Mai A và tại Bản tự khai đề ngày 21/8/2020 thể hiện bị đơn – anh Nguyễn Tiến H có hộ khẩu thường trú tại số 11 Ngõ 103 Tr Đ (nay là 34 đường H M), phường Tr Đ, quận H B Tr, Hà Nội. Trước khi bị bắt do phạm tội, anh H có tạm trú tại địa chỉ: số 4 ngõ 325/135/1 K Ng, phường Th L, quận H B Tr, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đang chấp hành án tại Tr gi số 3 nên đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mai A và anh Nguyễn Tiến H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2011 tại UBND phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân, chị Mai A và anh Hchung sống đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do anh H không chịu làm ăn, chơi bời, vi phạm pháp luật, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Tháng 1 năm 2018, anh bị bắt vì tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; năm 2019 anh bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kết án về tội danh trên, xử phạt 12 năm tù. Hiện anh đang chấp hành hình phạt tù tại Tr gi số 3. Chị Mai A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, chị có nguyện vọng xin ly hôn anh Hđể được ổn định cuộc sống. Anh Hxác định vì anh sa vào con đường phạm tội và bị xử phạt hình sự, vợ chồng lâu nay không hỏi thăm gì đến nhau, tình cảm cũng bị rạn nứt, không còn, anh xét thấy vợ chồng không quay về chung sống với nhau được nên anh đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Hvi phạm pháp luật và bị Tòa án NDTP Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh Hđang chấp hành án phạt tù do hành vi phạm tội của mình gây ra. Bản thân anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn, chị Mai A xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, thể hiện tình trạng hôn nhân của chị Mai A và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Mai A và anh H có hai con chung là Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/8/2017. Hiện các cháu đang ở cùng chị Mai A, sức khỏe bình thường, chị Mai A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng. Vì hiện nay anh H đang chấp hành án, không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị Mai A trực tiếp chăm sóc nuôi con chung, anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện anh H đang chấp hành án phạt tù nên không thể có điều kiện về thời gian cũng như về kinh tế để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Chị Mai A có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, cháu Nguyễn Yến Nhi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là Nguyễn Yến Nhi và Nguyễn Tùng Anh cho chị Mai A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh H đang chấp hành án phạt tù nên không thể có điều kiện về kinh tế để cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Mai A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị Mai A, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và

điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mai A đối với anh Nguyễn Tiến H. Chị Mai A được ly hôn anh Huy.

2. Về con chung: Chị Mai A và anh H có 02 con chung là Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/8/2017. Giao cả hai con chung cho chị Mai A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị Mai A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AC/2017/0003830 ngày 06/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Phạm Thị Mai A, vắng mặt anh Nguyễn Tiến H. Chị Mai A có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND P.Tr Đ, Q.H B Tr, HN (Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyền số 01-2011 ngày 29/11/2011)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nam